

VĂN HOÁ - LỊCH SỬ

CHÍNH SÁCH CỦA MỸ TRONG QUAN HỆ VỚI PHÁP THỜI KỲ 1789 - 1815

ThS. Dương Quang Hiệp
Đại học Khoa học Huế

Cuộc cách mạng tư sản năm 1789 đi vào lịch sử nước Pháp nói riêng và lịch sử nhân loại nói chung như một bước chuyển vĩ đại, đánh dấu một thời kỳ mới của sự phát triển xã hội loài người. Mặc dù đây không phải là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên, nhưng tầm vóc của nó đã tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến tình hình châu Âu cũng như đến bước chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản chủ nghĩa. Sự tác động ấy không chỉ dừng lại ở đó mà còn làm cho quan hệ giữa các nước ở châu Âu trở nên sôi động và phức tạp hơn trong một thời kỳ dài, đưa đến việc thiết lập một trật tự mới trong quan hệ quốc tế - Trật tự Vienna (1815). Tuy nhiên, trong quá trình định hình nền tảng cho trật tự quan hệ quốc tế này, nước Mỹ hầu như lại không có dấu ấn gì. Điều này không chỉ xuất phát từ sự xa cách về địa lý, sự non trẻ về sức mạnh để có thể can dự đến châu Âu của Anh và Pháp mà còn là kết quả đặc trưng trong chính sách của Mỹ đối với bên ngoài, trong đó có Pháp.

Hơn 2 tháng trước khi cuộc Đại cách mạng nổ ra ở Pháp, ngày 30/4/1789, George Washington long trọng tuyên thệ nhậm chức Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ. Sau khi lên nắm chính quyền, bên cạnh nhiệm vụ củng cố nền kinh tế trong nước và làm cho quốc gia được ổn định về tài chính, G. Washington không hề coi

thường các vấn đề liên quan đến chính sách đối với thế giới bên ngoài, trong đó có Pháp. Mục tiêu của chính sách đối ngoại của Tổng thống Washington là duy trì hòa bình, xây dựng một nước Mỹ độc lập, trung lập với các nước châu Âu. Nước Mỹ chủ trương không liên minh hay ngả theo bên nào hoặc tham dự vào bất kỳ cuộc chiến tranh của một nước châu Âu nào nhằm tạo cho mình một thời gian cần thiết để hàn gắn vết thương chiến tranh và tiếp tục tiến trình nhất thể hóa dân tộc. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu nói trên, nước Mỹ đã thi hành chính sách trung lập trong quan hệ với Pháp và các nước châu Âu khác.

Mặc dù ở xa và biệt lập với châu Âu trên phương diện địa lý song Mỹ không thể tránh khỏi sự tác động của các biến cố chính trị lớn xảy ra trên cựu lục địa. Chính vì vậy, chính sách đối ngoại của G. Washington thời kỳ này hoàn toàn bị chi phối bởi các biến cố của cuộc Cách mạng Pháp “*được tất cả các tầng lớp nhân dân Mỹ theo dõi một cách say sưa*”¹. Cuộc cách mạng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nước Mỹ, nhất là khi Pháp tuyên chiến với Anh và Tây Ban Nha năm 1793. Ngoài Hiệp ước Liên minh ký với Pháp năm 1778 đã “trói” Mỹ với Pháp, tư tưởng cộng hòa cũng là yếu tố gắn kết hai quốc gia lại với nhau. Sự trợ giúp của Pháp đối với Mỹ trong khuôn khổ Hiệp ước Liên minh Pháp - Mỹ (1778)

trong thời gian diễn ra chiến tranh giành độc lập là một sự “ban ơn” mà người Mỹ không bao giờ trả hết ơn. 6000 quân viễn chinh được Pháp cử tới Mỹ (7/1780) và hạm đội Pháp đã quấy rối việc vận chuyển bằng đường biển của quân Anh, ngăn cản lực lượng tăng viện và nguồn tiếp tế cho quân đội Anh² là “sự giúp đỡ” mà người Mỹ không được phép quên. Điều đó gần như là một định mệnh gắn kết Mỹ với Pháp trong các vấn đề quốc tế, mặc dù đôi khi người Mỹ không ưa gì người Pháp.

Tổng thống G. Washington cố gắng đương đầu với áp lực buộc ông hoặc phải ngả sang phía Anh hoặc phải ngả sang phía Pháp. Ngày 22/4/1793, khi tin tức về cuộc hành quyết vua Louis XVI (21/1/1793) lan tới Mỹ đã thúc đẩy Washington chính thức tuyên bố nước Mỹ giữ thái độ trung lập³ trong cuộc chiến tranh giữa nước Pháp cách mạng và Anh cùng các nước phong kiến châu Âu khác. Như vậy, Washington đã thành công trong việc hủy bỏ các điều khoản của Hiệp ước 1778 và tuyên bố rằng nước Mỹ “*thân thiện và công bằng, không thiên vị với các cường quốc đang tham chiến*”⁴. Washington cũng kêu gọi người dân Mỹ kiềm chế, không hành động ngược lại lời tuyên bố đã được đưa ra. Ông cảnh báo rằng họ sẽ phải chịu tội trước tòa án nếu điều đó xảy ra vì tội “*vi phạm luật quốc gia đã được tòa án của Liên bang công nhận*”⁵.

Rõ ràng Washington và các nhà lãnh đạo Mỹ thời kỳ này đã có một tầm nhìn xa trông rộng và có những tính toán hoàn toàn hợp lý. “Trung lập” là một phương sách tối ưu. Đối với một quốc gia còn non trẻ như Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thời bấy giờ, hòa bình là điều tối cần thiết cho sự tồn tại và ổn định của đất nước. Chính sách trung lập với thế giới nói chung, Pháp nói riêng vẫn được Washington theo đuổi cho đến

những năm cuối đời. Trong bài diễn văn già từ nổi tiếng của ông, Washington đã tóm tắt kinh nghiệm trong chính sách đối ngoại rằng “*Không gì thiết yếu hơn việc phải loại bỏ mọi ác cảm xấu xa và thâm căn cố đế chống lại các dân tộc riêng biệt cũng như mọi gẫn bó say đắm đối với các dân tộc khác (...). Lịch sử và kinh nghiệm cho thấy rằng ảnh hưởng bên ngoài là một trong những kẻ thù độc hại nhất của chính quyền Cộng hòa. Đối với chúng ta, định luật chính của thái độ đối với các dân tộc là, trong khi mở rộng quan hệ thương mại của chúng ta, nên có ít các quan hệ chính trị chùng nào hay chùng ấy với các dân tộc này. Châu Âu có một mạng lưới các lợi ích sơ đẳng chẳng liên quan gì đến chúng ta, hoặc liên quan rất ít*”⁶.

Trong lời phát biểu trên, Washington không nêu đích danh Pháp và Anh, nhưng chúng ta dễ dàng nhận thấy, châu Âu mà Washington muốn nói đến không thể thiếu Pháp và Anh. Chính sách tự cô lập/trung lập của Washington tỏ ra là một chính sách khôn ngoan vào thời điểm đặc biệt của lịch sử: nước Mỹ vừa mới ra đời và đang trên đường định hình quốc gia. Chính sách này vẫn tiếp tục là sự lựa chọn trong chính sách đối ngoại của các vị tổng thống kế nhiệm Washington, tuy nhiên, có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Mặc dù luôn thực hiện chính sách trung lập trong quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong quan hệ với Pháp và Anh, nhưng người Mỹ luôn vận dụng tài tình tính “trung lập” nhằm phục vụ tốt nhất cho lợi ích quốc gia. Điều này được thể hiện khá rõ trong việc mở rộng đất nước về phía Tây trong nhiệm kỳ của Thomas Jefferson (1801-1809), đặc biệt là việc mua lại vùng đất Louisiana rộng lớn từ tay

Pháp. Vùng Louisiana lúc này gồm toàn bộ vùng đất nằm giữa sông Mississippi và dãy núi Rocheuse, từ vịnh Mexico tới tận biên giới Canada. Thời kỳ cuối của cuộc Chiến tranh bảy năm, vào năm 1763 - thông qua Hiệp ước Paris, nước Pháp đã nhượng quyền cho Tây Ban Nha sở hữu vùng đất rộng lớn với biên giới không rõ rệt này, trong đó có cảng New Orleans - một hải cảng rất cần thiết cho việc vận chuyển hàng hóa bằng tàu thuyền từ thung lũng gần sông Ohio và Mississippi ra biển và ngược lại. Ngay sau khi T. Jefferson nhậm chức tổng thống, vào năm 1801 nước Pháp của Napoléon đã bí mật buộc Tây Ban Nha ký hiệp ước trả lại vùng đất này cho mình. Động thái đó đã khiến cho người Mỹ rất căm phẫn, đặt nước Mỹ trong tình trạng báo động và bất mãn. Người Mỹ hiểu rằng, một Napoléon không lùi bước trước bất cứ hành động nào, sẽ rất có thể khóa cửa đại dương đối với nền thương mại quan trọng trên hai con sông Ohio và Mississippi. Điều đó đe dọa trực tiếp đến quyền lợi buôn bán và sự an toàn của toàn bộ các khu định cư nội địa Mỹ. Việc tái lập một đế quốc thuộc địa Pháp ở phía Tây nước Mỹ đối với một quốc gia non trẻ sẽ là mối nguy hiểm trầm trọng hơn là việc ở kề cận một nước Tây Ban Nha đã ít nhiều lảng dụi. Và nếu điều đó trở thành hiện thực, nước Mỹ sẽ không cứng nhắc theo đuổi nguyên tắc "trung lập" trong đối ngoại, như lời tuyên bố của T. Jefferson rằng "từ lúc đó chúng ta phải tự kết thân với hạm đội và dân tộc Anh"⁷.

Sự "kết thân" với Anh mà Mỹ toan tính đã không có cơ hội trở thành hiện thực. Bởi lẽ, Napoléon hiểu ngay rằng cuộc liên minh đó sẽ chắc chắn làm Pháp mất đi phần đất Louisiana vừa mới thu hồi được. Hơn nữa, khi biết rằng, một cuộc chiến tranh khác với

Anh đang sắp xảy ra (chiến tranh giữa nước Pháp của Napoléon với Liên minh chống Pháp lần hai có sự tham gia của Anh (1798 - 1803), Napoléon đã quyết định bổ sung ngân sách và đặt Louisiana ra ngoài tầm với của người Anh bằng cách bán vùng đất này cho nước Mỹ. Tận dụng cơ hội đó, T. Jefferson đã cử Đại sứ toàn quyền James Monroe tới Paris để đề nghị trao cho Napoléon 10 triệu USD để đổi lấy New Orleans và Tây Florida. Đại sứ James Monroe đã không chỉ được Pháp tiếp đón một cách nồng hậu, mà với số tiền là 15 triệu USD, ông đã mua được toàn bộ vùng Louisiana rộng lớn. Mặc dù Hiến pháp Mỹ không cho quyền mua bán lãnh thổ, song Tổng thống T. Jefferson đã quyết định mua vùng đất này với lập luận rằng "*lương tri của đất nước ta sẽ sửa đổi tội lỗi của một sự giải thích không chặt chẽ khi sự giải thích ấy sẽ sản sinh ra những kết quả không hoàn hảo*"⁸.

Với giá 15 triệu USD, Hoa Kỳ đã có được Louisiana vào năm 1803. Miền đất này rộng hơn 2,6 triệu km², bao gồm cả cảng New Orleans. Việc mua bán đất đai này được xã hội Mỹ đánh giá rất cao, là "một thành công quan trọng nhất của chính quyền T. Jefferson"⁹. Với 15 triệu USD (3 cent = một mẫu đất), nước Mỹ đã có được một vùng đất bao la bao gồm những đồng bằng màu mỡ, những dãy núi, những khu rừng và các hệ thống sông ngòi mà "*trong vòng 80 năm sẽ trở thành miền đất trung tâm của nước Mỹ và là một trong những vựa thóc lớn của thế giới*"¹⁰. Sự nhanh nhạy pha chút phiêu lưu đầy hiệu quả của con cháu những người di dân đã mang lại những giá trị vô cùng lớn cho nước Mỹ qua việc mua bán này. Việc vùng đất Louisiana trở thành lãnh thổ không thể tách rời của Mỹ như là một biểu tượng của sự nhạy bén, biết chớp

lấy thời cơ, nắm bắt cơ hội và tạo ra cơ hội trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Pháp. Có thể nói, việc tận dụng thành công cơ hội mua Louisiana từ Pháp khi Pháp đang còn vướng bận vào cuộc chiến tranh với Anh, đã mở đầu cho truyền thống thực dụng (pragmatic), tận dụng cơ hội triệt để trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Đặc điểm này luôn được thể hiện rõ và xuyên suốt trong tiến trình vươn đến quyền lực thế giới của nước Mỹ.

Tính trung lập cũng được người Mỹ khai thác thành công trong việc xử lý mối quan hệ giữa Pháp và Anh trong những năm đầu thế kỷ XIX để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế và gia tăng khả năng quốc phòng của quốc gia non trẻ này. Vào buổi bình minh của thế kỷ XIX, khi nước Pháp của Napoléon tiến hành chiến tranh nhằm tranh giành địa vị bá chủ trên lục địa và trên biển ở châu Âu với Anh, nước Mỹ đã khôn khéo và giành được nhiều mối lợi lớn. Tàu buôn của Mỹ với tư cách “trung lập” có thể tiếp cận đến mọi cảng nhờ phục vụ cho cả Pháp lẫn Anh. Khi Pháp và Anh đang bận rộn với xung đột và mâu thuẫn, nước Mỹ đã tận dụng cơ hội và kịp thời phát triển được một đội hàng hải mạnh. Trong thời gian từ 1789 đến 1805, khả năng vận tải của các thương thuyền Mỹ đã tăng từ 100.000 tấn đến 1 triệu tấn¹¹. Điều đó tất yếu làm cho cả Anh và Pháp đều không hài lòng, bởi lẽ, việc mở rộng các đội thương thuyền của Mỹ sẽ tạo điều kiện cho nước này nhanh chóng trở thành đối thủ cạnh tranh về mặt thương thuyền lẫn chiến thuyền đối với Anh và Pháp trong tương lai.

Chính sách trung lập của Mỹ trong quan hệ với Pháp và các nước châu Âu khác vẫn được tiếp tục trong những năm tiếp theo. Ngay cả khi nước Pháp của Napoléon thất bại và đưa đến việc tổ chức Hội nghị Vienna (1815), “trung

lập” vẫn là sự lựa chọn của chính giới Mỹ trong các vấn đề đối ngoại xuyên suốt gần như toàn bộ thế kỷ XIX.

Tóm lại, trong thời kỳ 1789-1815, sự lựa chọn chính sách trung lập trong quan hệ với Pháp của nước Mỹ là một sự lựa chọn đúng đắn. Trong bối cảnh nước Mỹ vừa mới ra đời, cộng với những đặc điểm về mặt địa lý, trung lập trong chính sách đối ngoại với Pháp và các nước châu Âu khác là một sự đảm bảo tích cực cho nên hòa bình, ổn định và tồn tại của nước Mỹ. Tính trung lập được thực thi một cách liên tục trong một thời gian dài. Tuy nhiên, chúng ta dễ dàng nhận thấy, tính trung lập mà người Mỹ lựa chọn không đơn thuần là đứng ngoài, tách biệt và tự cô lập mình với phần còn lại của thế giới. Người Mỹ đã thể hiện tính linh hoạt và hiệu quả thuật ngữ trung lập (neutrality) trong quan hệ với Pháp, nhất là trong thương vụ mua lại vùng đất Louisiana đầy chiến lược. Cùng với thời gian và sự lớn mạnh của nước Mỹ, chính sách trung lập trong các vấn đề đối ngoại không còn gói gọn trong phạm vi nước Mỹ mà đã dần mở rộng ra khu vực xung quanh, đến tầm châu lục, xuyên lục địa và cả thế giới - đó chính là *tính trung lập trong giới hạn Mỹ* ■

Chú thích:

- 1); 3); 6) Lê Minh Đức - Nguyễn Nghị (1994), Lịch sử nước Mỹ, Nxb Văn hóa Thông tin, tr.143; tr.144; tr.146.
- 2); 7); 8); 10) Office of International Information Programs (1994). An Outline of American History, nited States Department of States. p.78; p.103.
- 4) Howard Cincotta, Khái quát về Lịch sử nước Mỹ, (bản dịch, lưu tại Đại sứ quán Hoa Kỳ), tr.99.
- 5); 11) Nguyễn Thái Yên Hương (2003), Quá trình hình thành Liên bang Mỹ và những đặc điểm văn hóa xã hội Mỹ, Luận án Tiến sỹ sử học, Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội, tr.96; tr.97.
- 9) W.A.Degrigrorio (1995), 42 đời tổng thống Hoa Kỳ, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam - Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.125.